

Số: 30 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 0803.24/VNU-STNMT ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Công ty TNHH Việt Na Uy và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 980/TTr-CCBVMT ngày 22 tháng 3 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Việt Na Uy, địa chỉ trụ sở chính tại thửa đất 418, tờ bản đồ số 15, tổ 2, Khu phố Khánh Long, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất phân vô cơ hỗn hợp bón rải dạng hạt tại thửa đất 418, tờ bản đồ số 15, tổ 2, Khu phố Khánh Long, phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất phân vô cơ hỗn hợp bón rải dạng hạt
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất 418, tờ bản đồ số 15, tổ 2, Khu phố Khánh Long, phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành



1.4. Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 1184/QĐ-STNMT ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

1.6. Mã số thuế: 3702069784.

### 1.8. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

1.8.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất của Nhà máy là 2.814,6 m<sup>2</sup>.

### 1.8.2. Quy mô:

- Nhà máy có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư thuộc Nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### 1.8.3. Công suất:

- Công suất sản xuất của Nhà máy: 8.700 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu và phụ gia (Urea, SA, MAP, KCl, MgO, vi lượng, phụ gia màu và nước) => Nạp liệu => Phối trộn nguyên liệu => Chia nguyên liệu => Ép => Tạo hạt => Đánh tơi => Sàng phân loại => Đóng gói => Thành phẩm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Việt Na Uy:



1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Việt Na Uy có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.5. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không đảm bảo khoảng cách an toàn về bảo vệ môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường theo Quy định bảo vệ môi trường tỉnh. Do đó, cơ sở phải di dời hoặc chấm dứt hoạt động theo lộ trình tại điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **6. năm 281 ngày.**

(Từ ngày **25** tháng 3 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy sản xuất phân vô cơ hỗn hợp bón rải dạng hạt tại thửa đất 418, tờ bản đồ số 15, tổ 2, Khu phố Khánh Long, phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Việt Na Uy theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Việt Na Uy;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&PTNN;
- UBND thành phố Tân Uyên;
- UBND phường Tân Phước Khánh;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa6.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**



## Phụ lục 1

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30...../GPMT-STNMT ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên với lưu lượng khoảng 1,9 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà ăn với lưu lượng khoảng 0,1 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Suối Bưng Cù => Suối Cái => Sông Đồng Nai (thuộc phường Tân Phước Khánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

### **2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Mương thoát nước (mương hở bê tông cốt thép (BTCT) có kích thước (BxH) 1,5m x 1,5m) trên đường Tân Phước Khánh 36, sau đó thoát vào hệ thống cống thoát nước bằng BTCT D600mm trên đường Võ Thị Sáu, rồi chảy vào suối Bưng Cù, ra suối Cái, cuối cùng thoát vào sông Đồng Nai (đã được Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh chấp thuận tại Văn bản số 222/UBND-GTTL ngày 01 tháng 12 năm 2024).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: tọa độ: X= 1.215.048; Y= 608.899 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

### **2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (24 giờ).**

#### **2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý => Đường ống nhựa uPVC D90mm => Mương hở BTCT, kích thước (BxH) 1,5m x 1,5m (trên đường Tân Phước Khánh 36) => Tuyến cống BTCT D600mm (trên đường Võ Thị Sáu) => Suối Bưng Cù => suối Cái => Sông Đồng Nai.

- Hình thức xả: Tự chảy.

#### **2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.**

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A,  $k_q = 0,9$ ;  $k_f = 1,2$ ), cụ thể như sau:**

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /ngày	02	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6 - 9		
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	32,4		
4	COD	mg/L	81		
5	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	54		
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	5,4		
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	5,4		
8	Tổng nitơ	mg/L	21,6		
9	Tổng phốt pho (tính theo N)	mg/L	4,32		
10	Coliform	Vi khuẩn/100 mL	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nguồn số 01 và 02: Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước rửa tay, lavabo và nước thải từ nhà ăn của Nhà máy được thu gom bằng hệ thống ống nhựa uPVC D140mm về ngăn lắng, sau đó theo đường ống BTCT D400mm (có sơn chống thấm) dẫn về hồ thu gom của công trình xử lý nước thải công suất 2m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:



- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải => Bể gom => Thiết bị xử lý sinh học kỵ khí (UASB) => Thiết bị xử lý sinh học thiếu khí (Anoxic) => Thiết bị xử lý sinh học hiếu khí (Aerotank) => Thiết bị lắng => Thiết bị trung gian => Thiết bị lọc áp lực => => Khử trùng => Đường ống nhựa uPVC D90mm => Mương hồ BTCT, kích thước 1,5m x 1,5m (trên đường Tân Phước Khánh 36) => Tuyến cống BTCT D600mm (trên đường Võ Thị Sáu) => Suối Bung Cù => suối Cái => Sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế: 2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chất dinh dưỡng (mật rỉ đường), Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho công trình xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các hạng mục công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố:

h



+ Đối với sự cố hư hỏng thiết bị: giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; tiến hành thay thế bằng thiết bị dự phòng như máy bơm dự phòng, bơm định lượng dự phòng.... Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành lại hệ thống xử lý đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý.

+ Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải, tiến hành khóa van khu vực xảy ra sự cố, sau đó bơm nước thải về hố gom gần nhất. Tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

+ Đối với sự cố nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải: Nước thải phát sinh được thu gom về bể gom (*thể tích 1,57 m<sup>3</sup>*) để quay vòng xử lý cho đến khi xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép; trường hợp nước thải phát sinh vượt quá khả năng lưu chứa của hệ thống, dừng sản xuất để không làm phát sinh nước thải, đảm bảo không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường hoặc tiến hành hợp đồng thu gom nước thải khi sự cố xảy ra với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Thời gian vận hành thử nghiệm là 01 tháng (*Bắt đầu sau 20 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực*).

### **2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

01 công trình xử lý nước thải công suất thiết kế 2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- Nước thải đầu vào: Tại hố thu gom của công trình xử lý nước thải.
- Nước thải đầu ra: Sau thiết bị lọc áp lực của công trình xử lý nước thải, trước khi thải ra môi trường.

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** (*Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải*)



- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải*).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30.../GPMT-STNMT ngày 25 tháng 3... năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

Không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:**

Bụi, khí thải (*mùi hôi*) từ công đoạn nạp liệu và công đoạn trộn liệu, được thu gom bằng chụp hút, theo đường ống nhựa uPVC D220mm về thiết bị lọc bụi túi vải để xử lý.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải => Chụp hút => Quạt hút => Hệ thống ống thu gom => Bể thu gom bụi => Lọc bụi túi vải.

- Công suất thiết kế: 3.300 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra để kịp thời nhận biết các sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của công trình. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của công trình xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý khí thải bảo đảm công trình hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích khí thải



✓



đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

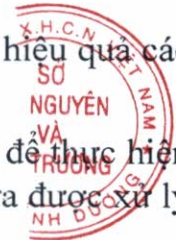
Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm do không có phát sinh dòng thải ra môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định.

3.2. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải (*mùi hôi*).

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả bụi, khí thải (*mùi hôi*) chưa được xử lý ra môi trường.



h



**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30.../GPMT-STNMT ngày 25 tháng 3.. năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực nạp nguyên liệu, phối trộn nguyên liệu.
- Nguồn số 02: Khu vực ép viên, tạo hạt.
- Nguồn số 03: Khu vực đánh toí.
- Nguồn số 04: Khu vực đóng gói, vận chuyển sản phẩm.
- Nguồn số 05: Khu vực xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X= 1.215.082; Y= 608.887.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X= 1.215.063; Y= 608.889.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X= 1.215.059; Y= 608.885.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X= 1.215.061; Y= 608.879.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X= 1.215.050; Y= 608.906.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

**3. Tiếng ồn, độ rung:**

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường



4



**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30.../GPMT-STNMT ngày 25 tháng 3... năm 2024  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	28
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	NH	Lỏng	2
3	Pin, ắc quy thải	19 06 03	NH	Rắn	2
4	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	Rắn	90
5	Bao bì mềm có dính hóa chất, dầu nhớt thải	18 01 01	KS	Rắn	95
6	Bao bì nhựa cứng có dính hóa chất	18 01 02	KS	Rắn	3
7	Bao bì kim loại cứng có dính hóa chất, dầu nhớt thải	18 01 02	KS	Rắn	10
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu, nhớt	18 02 01	KS	Rắn	123
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>353</b>



h



**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng chất thải (Kg/năm)
1	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH)	Rắn	44
2	Sắt, thép, kim loại hư hỏng, dư thừa trong quá trình sửa chữa máy móc, thiết bị	Rắn	1.000
3	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải	Bùn	180
<b>Tổng khối lượng</b>		-	<b>1.224</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại nhà máy, bao gồm: chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa, ...*), chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn, ...*) với khối lượng phát sinh khoảng 14,4 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 05 thùng chứa dung tích 30 lít, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 2m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; che kín nắng, mưa; có biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**



2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 05 thùng phuy sắt 200 lít để chứa các loại vật tư hỏng trong quá trình sản xuất (sắt, thép, nhôm,...) và bao chứa loại 50kg để chứa bùn thải.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 16 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Có nền bê tông chống thấm, vách bằng tole bao quanh, có mái che, có dán nhãn phân biệt khu vực lưu chứa.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa chất thải: bố trí 05 thùng nhựa loại 25 lít đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn để thu gom chất thải sinh hoạt; cuối ngày sẽ được công nhân thu gom về 01 thùng chứa bằng nhựa HPDE 120 lít có nắp đậy đặt tại khu vực có mái che (gần nhà bảo vệ) để đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30.../GPMT-STNMT ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
3. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 5KVA; nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu có công trình xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.
5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.
6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
8. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.
9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.
10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp



*Handwritten signature or mark.*

